

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 07 - 6 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Nghiệp

Bà Lãnh Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 30/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 19/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 11/5/2021 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, đường LH, phường TC, quận BD, Thành phố Hà Nội.

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp 0100686174; Đăng ký lần đầu: ngày 26/02/2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 11: ngày 27/12/2019 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng

(Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 0100686174-592, cơ quan cấp: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp ngày 13/10/2013).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bé Tuyết C, Chức vụ: Giám đốc

(Theo quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27/12/2019 của Tổng Giám

đốc A về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và Thi hành án)

Người được ủy quyền lại của người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Tiến H; Chức vụ: Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Kế hoạch kinh doanh - A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

(Giấy Ủy quyền số 178/GUQ-NHNo.BLc, ngày 09/5/2022 của Giám đốc - A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng)

(Ông Đinh Tiến H có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông La Văn C; sinh ngày 10/10/1973

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị X; sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3 (trước là tổ dân phố 4), thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/09/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

* Ngày 28/07/2017 Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng, địa chỉ Khu 2, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng và ông La Văn C, trú tại Tổ dân phố 3 (trước là tổ dân phố 4), thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng ký kết 01 (Một) Hợp đồng tín dụng số 8302LAV201700713, với nội dung như sau:

- Số tiền cho vay: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng)
- Thời hạn vay: 84 tháng (kể từ ngày 28/7/2017 đến ngày 28/7/2024)
- Lãi suất tại thời điểm vay: 12 %/năm, áp dụng lãi suất có điều chỉnh.
- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản (Tín chấp).

* Quá trình thực hiện trả nợ của ông La Văn C như sau: Khoản vay Hợp đồng tín dụng số 8302LAV201700713 ngày 28/07/2017 đã đến hạn vào ngày 30/01/2020 với dư nợ là 82.200.000 đồng, khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 30/01/2020. Do ông La Văn C đã thôi việc tại Hợp tác xã vệ sinh môi trường đô thị huyện BL, tỉnh Cao Bằng từ tháng 11/2019 do đó không có nguồn thu nhập để trả nợ. Từ sau ngày 30/01/2020 đến nay ông La Văn C đã trả Ngân hàng được 23.009.904 đồng do Ngân hàng thu trên tài khoản của vợ là bà Nông Thị X. Tính đến ngày 28/9/2021 tổng số tiền nợ của ông La Văn C đối với A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng là 76.629.167 đồng; Trong đó:

- Nợ gốc: 65.400.000 đồng
- Nợ lãi: 11.229.167 đồng

Kể từ lúc phát sinh nợ quá hạn và chuyển nợ xấu, A đã nhiều lần làm việc trực tiếp, có văn bản yêu cầu ông La Văn C thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại hợp đồng nhưng đều không thực hiện theo đúng cam kết.

* Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông La Văn C phải trả khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8302LAV201700713 ngày 28/07/2017 với tổng

số tiền tính đến ngày 28/9/2021 là 76.629.167 đồng (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 65.400.000 đồng
- Nợ lãi: 11.229.167 đồng
- Lãi trong hạn: 10.938.570 đồng
- Lãi quá hạn: 290.660 đồng

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn đến ngày xét xử theo quy định tại Hợp đồng tín dụng.

* Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông La Văn C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8302LAV201700713 ngày 28/07/2017 với tổng số tiền tính đến ngày xét xử 07/6/2021 với tổng số tiền là 82.042.471 đồng (Tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 65.400.000 đồng
- Nợ lãi: 16.642.471 đồng
- Lãi trong hạn: 15.665.310 đồng
- Lãi quá hạn: 977.162 đồng

2. Về phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cùng có hộ khẩu đăng ký thường trú tại Tổ dân phố 3 (trước đây là tổ dân phố 4) thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt tại địa phương. Quá trình tiến hành tố tụng đã tiến hành xác minh, niêm yết văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật qua kiểm sát hồ sơ từ giai đoạn thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng và đầy đủ pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 35, 39, 91, 93, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền là 82.042.471 đồng (Tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng). Trong đó: Nợ gốc: 65.400.000 đồng; Nợ lãi: 16.642.471 đồng; Lãi trong hạn: 15.665.310 đồng; Lãi quá hạn: 977.162 đồng.

- Về án phí: Buộc bị đơn La Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng yêu cầu giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 3 (trước đây là tổ dân phố 4), thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 8302LAV201700713 ngày 28/07/2017. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tính đến thời điểm xét xử 07/6/2022 là 82.042.471 đồng (Tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng).

Bị đơn La Văn C và bà Nông Thị X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Ông C và bà X ký kết 01 (Một) hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng với số tiền vay là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng); Thời hạn vay 84 tháng (kể từ ngày 28/7/2017 đến ngày 28/7/2024); Lãi suất vay: 12%/năm; áp dụng lãi suất có điều chỉnh; Vay không có bảo đảm (tín chấp lương)

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã thực hiện trả nợ theo phân kỳ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn 30/01/2020 ông Chuyên và bà X thực hiện được việc trả nợ cho ngân hàng với số tiền là 23.009.904 đồng do Ngân hàng thu trên tài khoản của bà Nông Thị X đến nay ông Chuyên và bà X không trả nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhắc nợ nhiều lần, đã lập thông báo nợ quá hạn.

Hội đồng xét xử xét thấy ông C và bà X đã vi phạm các Điều 4, 7 và 10 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, thực tế việc trả nợ thấy có đủ cơ sở để buộc ông C và bà X liên đới thanh toán công nợ cho Ngân hàng như sau: Nợ gốc: 65.400.000 đồng; Nợ lãi: 16.642.471 đồng; Lãi trong hạn: 15.665.310 đồng; Lãi quá hạn: 977.162 đồng

Tổng số tiền ông C và bà X phải thanh toán là: 82.042.471 đồng (Tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng).

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 232, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

2. Buộc ông La Văn C và bà Nông Thị X; Địa chỉ: Tổ dân phố 3 (trước đây là tổ dân phố 4), thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng phải liên đới thanh toán nợ vay theo hợp đồng cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng với tổng số tiền là: 82.042.471 đồng (Tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 65.400.000 đồng
- Nợ lãi: 16.642.471 đồng
- Lãi trong hạn: 15.665.310 đồng
- Lãi quá hạn: 977.162 đồng

3. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 82.042.471 đồng = 4.102.000 đồng nộp công quỹ nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng số tiền 1.900.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001206 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- UBND thị trấn Bảo Lạc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

DOANH THỊ MÂY